

Đảo và quần đảo Việt Nam trên Biển Đông trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng

- Lê Thị Kim Thoa
- Ngô Hoàng Đại Long
- Nguyễn Thị Thu Thủy

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Đảo và quần đảo Việt nam trên biển Đông có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng quốc gia. Với hơn 3000 hòn đảo lớn nhỏ, hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam được nhóm thành ba tuyến đảo phân bố từ xa đến gần, tạo thành các “lớp đảo” bao lấy phần lục địa trải dài trên 13 độ vĩ. Như chúng ta đã biết, việc giành quyền sở hữu các đảo nhỏ chưa có dân hoặc không thể sinh sống - theo luật quốc tế - không nhằm vào tài nguyên thiên nhiên trên đảo nhỏ bé này mà chính là vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng lớn bao quanh nó. Chính vì lý do này, vấn đề giành

quyền sở hữu các đảo lớn, nhỏ trên biển Đông đang là mối quan tâm lớn đối với các quốc gia trên thế giới.

Bài viết trình bày một số nội dung sau: khái quát hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam trên vùng Biển Đông; phân tích vị trí địa - chiến lược và địa - kinh tế của ba tuyến đảo quốc gia trong sự nghiệp phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng; và quan điểm cá nhân về vấn đề phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền lãnh hải các đảo, quần đảo trên Biển Đông.

Từ khóa: Đảo và quần đảo, vùng đặc quyền kinh tế (EEZ), kinh tế biển, an ninh quốc phòng.

1. Đặt vấn đề

Đảo và quần đảo Việt nam trên biển Đông có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng quốc gia. Ngoài hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm xa bờ, phần lớn các đảo và quần đảo của Việt Nam tập trung ven bờ, trong đó vùng biển Bắc bộ có số lượng đảo nhiều nhất với trên 2.320 đảo, kể đến là vùng biển Trung bộ (trên 260 đảo) và sau cùng

là vùng biển Nam bộ với hơn 195 đảo⁽¹⁾. Tuy số lượng các đảo, cụm đảo tại vùng biển Nam bộ ít nhưng tổng diện tích các đảo, cụm đảo xấp xỉ bằng diện tích các đảo, cụm đảo vùng biển Bắc Bộ. Phần lớn các đảo của Việt Nam trên biển Đông có kích thước khá nhỏ và chưa có tên thống nhất trên bản đồ. Căn cứ vào vị trí địa chiến lược,

¹ Lê Đức An (2008), Hệ thống các đảo ven bờ Việt Nam Tài nguyên và Phát triển. nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội, hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam được nhóm thành ba tuyến đảo phân bố từ xa đến gần, tạo thành các “lớp đảo” bao lấy phần lục địa trải dài trên 13 độ vĩ. Trong đó hệ thống đảo tiền tiêu có vị trí vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Như chúng ta đã biết, việc giành quyền sở hữu các đảo nhỏ chưa có dân hoặc không thể sinh sống- theo luật quốc tế - không đơn thuần nhằm vào tài nguyên thiên nhiên trên đảo nhỏ bé này mà chính là vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng lớn bao quanh nó. Chính vì lý do này, vấn đề giành quyền sở hữu các đảo lớn, nhỏ trên biển Đông đang là mối quan tâm lớn đối với các quốc gia trên thế giới.

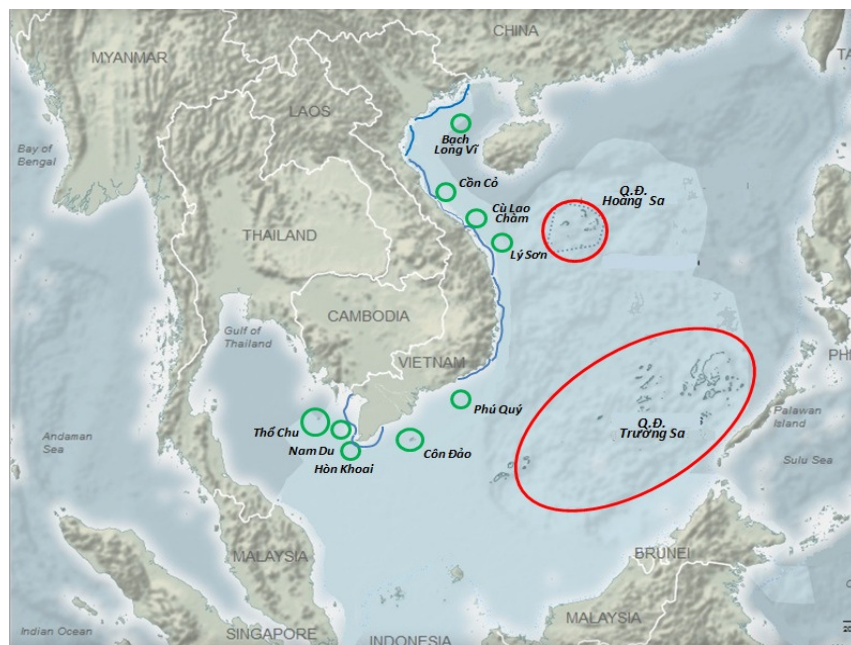
Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày khái quát hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam trên vùng Biển Đông. Từ đó, phân tích vị trí địa-chiến lược và địa-kinh tế của ba tuyến đảo quốc gia trong sự nghiệp phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Sau cùng, một số đề xuất về vấn đề phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền lãnh hải các đảo, quần đảo trên biển Đông.

2. Khái quát hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam trên biển Đông

Theo Điều 121, Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển (UNCLOS) 1982, đảo “là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước”, với định nghĩa này, phần lãnh thổ trên biển Đông Việt

Nam có hàng nghìn đảo lớn nhỏ với diện tích khoảng 1.720 km² (chưa kể quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Trong đó, các đảo có diện tích nhỏ hơn 0,5 km² chiếm hơn 97% và phần lớn tập trung ở vùng biển ven bờ Vịnh Bắc bộ. Có 24 đảo có diện tích từ 10 km² đến 600 km², số còn lại là các đảo có diện tích từ 1km² trở lên⁽¹⁾. Các đảo này phân bố rải rác từ vùng biển Quảng Ninh-Hải Phòng đến vùng biển Tây Nam. Nhìn chung, hệ thống đảo, cụm đảo Việt Nam được chia thành ba tuyến đảo từ biển khơi hướng vào đất liền như sau:

Tuyến đảo, cụm đảo ven bờ: là lớp đảo nằm gần đất liền, được sắp xếp, phân bố theo ba dạng: dạng hình cánh cung theo hướng Đông Bắc-Tây Nam thường thấy ở vùng biển Bắc bộ, như cánh cung đảo, cụm đảo Cẩm Phả-Cái Bầu, Trà Bần và Ba Mùn-Quan Lạn; Các đảo, cụm đảo phân bố trải đều, cách nhau khoảng 30 km có thể thấy tại vùng biển Kiên Giang từ hòn Tre-hòn Rái-Nam Du-hòn Nghệ-hòn Heo-Hòn Đốc...; và dạng thứ ba là các đảo, cụm đảo sắp xếp thành từng cụm với một hoặc hai đảo có diện tích đủ lớn làm hạt nhân. Kiểu sắp xếp này có thể thấy ở khắp vùng biển Việt Nam, trong đó vùng biển Nam bộ là nhiều nhất như cụm đảo Thổ Chu, Nam Du, An Thới, Bà Lụa, Hải Tặc, Côn Đảo, Phú Quý, Cù Lao Chàm, Cô Tô, Bái Tử Long... Các đảo và cụm đảo ven bờ có điều kiện phát triển kinh tế nghề cá, hoạt động du lịch và cũng là nơi trú ngụ tránh gió của tàu thuyền khi gặp bão tố, là nơi bảo vệ, phát triển các nguồn lợi thủy sản, bảo vệ an ninh, trật tự trên vùng biển ven bờ nước ta.



Hình 1. Hệ thống các lớp đảo và quần đảo Việt Nam

Tuyến đảo, cụm đảo tiền tiêu: đây là lớp đảo phân bố khá xa bờ (cách bờ trên dưới 100 km), các đảo, cụm đảo này thường phân bố độc lập, lẻ loi giữa vùng biển. Từ Bắc vào Nam có một số đảo, cụm đảo như Cô Tô (46,2 km²), Bạch Long Vĩ (2,5km²), Côn Cỏ (2,2km²), Cù Lao Chàm (15km²), Lý Sơn (9,97km²), Phú Quý (16km²), Côn Đảo (75,15 km²), cụm đảo Hòn Khoai (4 km²), Thổ Chu (10 km²), Phú Quốc (589,4 km²)... (Hình 1). Là các đảo, cụm đảo nằm án ngữ vùng biển rộng lớn, gần nhiều tuyến đường hàng hải trong nước và quốc tế. Do vậy chúng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát vùng biển, vùng trời quốc gia. Từ các đảo này, có thể lập những căn cứ kiểm soát hoạt động ra vào của tàu, thuyền qua lại trên vùng biển nước ta cũng như việc xây dựng các căn cứ bảo vệ chủ quyền, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế (nghề cá, dầu khí, du lịch, hậu cần), bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Tuyến đảo, cụm đảo tiền tiêu-biên giới: nằm ở vùng biển xa bờ trên sườn lục địa bao gồm hai quần đảo xa bờ Hoàng Sa và Trường Sa (Hình 1), nay thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa. Phần lớn các đảo ở đây là đảo đá nhỏ, cồn san hô và bãi cạn, độ cao các đảo không lớn (trên dưới 6m) và thường bị ngập khi triều lên.

Quần đảo Hoàng Sa có trên 30 đảo, đá, cồn, bãi, hòn lớn nhỏ, trong đó có 15 đảo rất nhỏ, 3 bãi, 3 đá, 1 cồn, 1 hòn đã được đặt tên với tổng diện tích các đảo khoảng 10 km² bao trùm trên vùng biển rộng khoảng 16.000km²(¹). Các đảo ở Hoàng Sa tập trung thành 2 nhóm đảo chính: nhóm đảo Nguyệt Thiềm (Crescent Group) ở Tây Nam, trong đó, đảo Hoàng Sa (Pattle Island) là đảo lớn nhất (diện tích khoảng 0,3km²) và nhóm đảo An Vĩnh (Amphitrite Group) ở Đông Bắc với

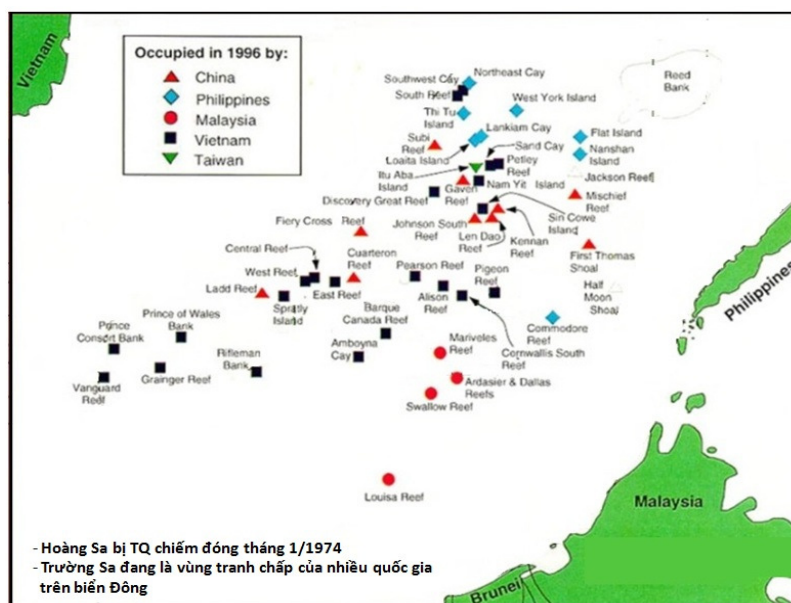
¹ Nguyễn Hồng Thao (2012), Vietnam's Position on the Sovereignty over the Paracels & the Spratlys: Its Maritime Claims. *Journal of East Asia International Law*, V JEAIL (1) 2012

đảo lớn nhất là Phú Lâm (Woody Island) có diện tích 1,5 km². Quần đảo này có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đặc biệt về mặt an ninh quốc phòng, do nằm trên đường thủy đạo và đường bay quốc tế cũng như có tiềm năng khá quan trọng về mặt kinh tế như dầu khí và các sản vật khác. Tuy nhiên, quần đảo này đã bị Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng từ năm 1974. Đến tháng 7 năm 2012, Trung quốc đã ngang nhiên thành lập cái gọi là thành phố Tam Sa, bất chấp sự phản đối của Việt Nam và các quốc gia khác.

Quần đảo Trường Sa bao gồm 137 đảo, đá, bãi 33 đảo, bãi cạn và đảo đá, trong đó tổng diện tích phần đảo luôn nổi trên mặt nước chỉ chiếm 3 km², nhưng trải dài trên một vùng biển rộng lớn gấp 10 lần so với quần đảo Hoàng Sa, đảo lớn nhất là Ba Bình (0,5 km²). Quần đảo Trường Sa được chia làm tám cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên. Trong đó, cụm Song Tử Tây là

đảo cao nhất (cao khoảng 4 - 6m lúc thủy triều xuống)

Nhìn chung, tuyến đảo, cụm đảo tiền tiêu - biên giới này có diện tích rất nhỏ, nằm khá xa đất liền trên 350 km (Đà Nẵng) đối với Hoàng Sa và 460 km (Vịnh Cam Ranh) đối với Trường Sa nhưng bao quanh chúng là cả vùng biển rộng lớn với ngư trường đánh bắt khổng lồ, giàu tài nguyên khoáng sản và các sản vật khác. Hơn nữa, cụm đảo tiền tiêu - biên giới này còn nằm rất gần với các tuyến đường hàng hải quốc tế. Đặc biệt là quần đảo Trường Sa với hơn một nửa lượng hàng hóa thế giới lưu thông qua lại trên tuyến đường này. Do vậy, chúng đóng vai trò cực kỳ quan trọng về mặt chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng. Do ở vị thế đặc địa này, nơi đây đang là vùng tranh chấp lãnh hải, EEZ và thềm lục địa giữa các quốc gia trên Biển Đông (Hình 2) và là điểm nóng trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và các nước khác như Philippine, Nhật Bản.



Hình 2. Các đảo tại quần đảo Trường Sa do các nước chiếm đóng vào năm 1996

Nguồn: pcij.org/blog/wp-content/uploads/2008/03/spratlys-claims.jpg

Việc tranh chấp quyền sở hữu các quần đảo trên Biển Đông đã và đang diễn ra trong nhiều năm qua và đang có xu hướng ngày càng phức tạp với sự leo thang không ngừng của Trung Quốc. Trong đó, quần đảo Hoàng Sa đang là vùng tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam và Trung Quốc. Quần đảo Trường Sa đang là khu vực tranh chấp của năm quốc gia trên Biển Đông: Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Malaysia (Hình 2).

3. Tầm quan trọng của đảo và quần đảo Việt Nam trên Biển Đông

3.1. Mở rộng lãnh thổ của quốc gia về phía biển

Với cấu tạo ba lớp bao bọc phần đất liền trải dài trên 13 độ vĩ, hệ thống đảo, quần đảo Việt Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc mở rộng vùng lãnh thổ quốc gia. Theo tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 12/11/1982, đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải (TS), vùng tiếp giáp lãnh hải (CZ), EEZ và thềm lục địa (CS) của Việt Nam bao gồm 10 đoạn thẳng nối liền 11 điểm trên 10 đảo và 1 điểm trên đất liền, kéo dài từ quần đảo Thổ Chu (Vịnh Thái Lan) đến đảo Cồn Cỏ (Cửa vịnh Bắc Bộ) (Hình 3). Riêng vùng biển từ cửa vịnh Bắc Bộ tiếp giáp với Trung Quốc và vùng biển phía nam tiếp giáp với Campuchia được phân định như sau:

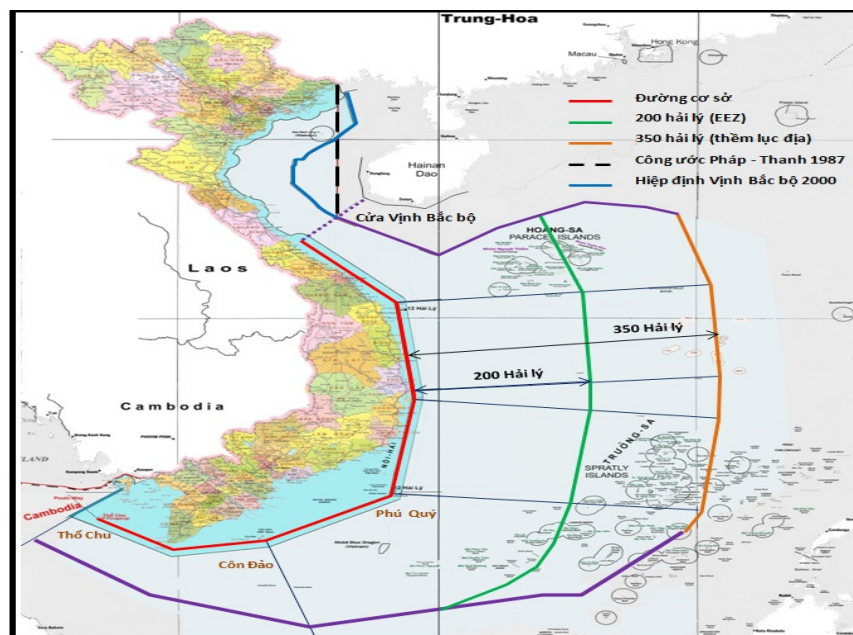
Vùng biển Bắc Bộ được xác định từ giao điểm cửa Vịnh Bắc Bộ và đường phân định biển trong Vịnh Bắc Bộ theo Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ vào 2000 (Hình 3).

Nơi tiếp giáp hai đường cơ sở giữa Việt Nam và Campuchia được xác định từ giao điểm của đường thẳng nối liền đảo Thổ Chu của Việt Nam và đảo Poulo Wai của Campuchia⁽¹⁾ (Hình 3). Có

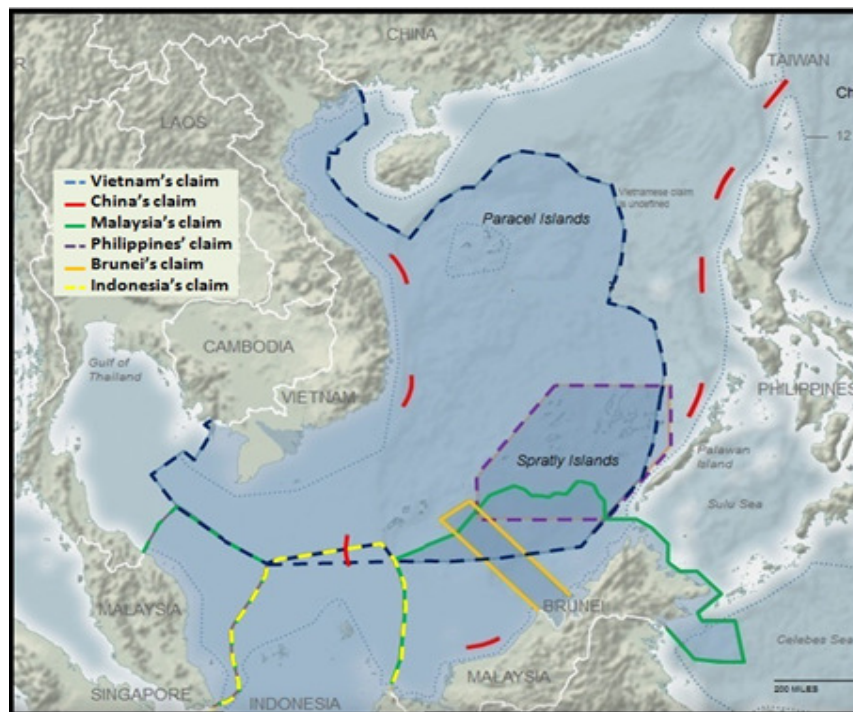
thể thấy, hệ thống các đảo, quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là ba quần đảo Thổ Chu, Côn Đảo và Phú Quý thuộc tuyến đảo tiền tiêu nằm khá xa bờ đã góp phần mở rộng vùng lãnh thổ quốc gia về phía biển hàng trăm ngàn km². Hình 3 phác thảo EEZ của Việt Nam trên Biển Đông tính từ đường cơ sở dựa trên Công ước Luật biển 1982 của Liên Hiệp Quốc. EEZ của Việt Nam còn mở rộng về phía Biển Đông nếu tính các đảo, cụm đảo tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (Hình 4).

¹ Võ Anh Tuấn (2011). Luật pháp Quốc tế về biển đảo (Công ước luật biển), Trang thông tin điện tử Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam TP.HCM, 04/2011.

<http://www.ubmttq.hochiminhcity.gov.vn/web/vi-vn/chuyenmuc-647-oi-ngoai-kieu-bao-quoc-te-tintuc-5172-luat-phap-quoc-te-ve-bien-dao-cong-uoc-luat-bien.aspx>.



Hình 3. Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam trên Biển Đông



Hình 4. Các đảo, cụm đảo tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

3.2. Phân định chủ quyền các vùng biển giữa Việt Nam với các nước trên Biển Đông

Vấn đề hoạch định đường biên giới trên biển với các quốc gia có vùng biển chồng lấn theo Công ước Luật biển 1982 là một vấn đề hết sức quan trọng và thiêng liêng vì nó liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển. Hệ thống các đảo, cụm đảo xa bờ của Việt Nam có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc phân định đường biên giới trên biển của quốc gia và vùng biển chồng lấn với các nước láng giềng. Theo Điều 74 và 83 Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982, nguyên tắc vạch đường biên giới trên biển, EEZ và thềm lục địa giữa các quốc gia có vùng biển chồng lấn là các bên cần bàn bạc, thỏa thuận với nhau trên cơ sở pháp luật quốc tế để đưa ra giải pháp công bằng. Như vậy, theo pháp luật quốc tế, Việt Nam phải đàm phán giải quyết vấn đề biên giới trên biển với bảy quốc gia là: Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan, Trung Quốc và Campuchia. Lịch sử cho thấy, một số đảo xa bờ của Việt Nam đã được dùng làm cơ sở để vạch định đường biên giới trên biển và vùng chồng lấn với các nước láng giềng trên Biển Đông như:

- Năm 1997, Việt Nam và Thái Lan đã đi đến thỏa thuận xác định ranh giới thềm lục địa trên biển. Trong bản thỏa thuận này, đảo Phú Quốc được dùng làm cơ sở vạch đường trung tuyến với bờ biển Thái Lan và đảo Thổ Chu được tính 1/3 hiệu lực trong việc vạch định ranh giới trên biển.

- Năm 2000, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Hiệp định Vịnh Bắc bộ¹ nhằm phân định EEZ và thềm lục địa của hai quốc gia tại vùng biển Bắc bộ. Trong hiệp định này, đảo Bạch Long Vĩ được tính 25% hiệu lực và đảo Côn Cỏ có hiệu lực tới 50%.

- Năm 2003, Việt Nam và Indonesia đã ký kết hiệp định về phân định thềm lục địa giữa hai nước. Trong quá trình giải quyết, thỏa thuận, Côn Đảo của Việt Nam và đảo Natuna của Indonesia đóng vai trò quan trọng trong việc phân định ranh giới trên biển.

- Năm 1982, Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp định về “vùng nước lịch sử”, thỏa thuận chủ quyền đảo của mỗi bên theo đường Brévié mà Toàn quyền Đông Dương đã đề xuất năm 1939 và hai nước sẽ thương lượng đường biên giới trên biển vào thời gian thích hợp. Trong đó, đảo Phú Quốc và đường trung tuyến giữa đảo Thổ Chu (Việt Nam) và đảo Poulo Wai (Campuchia) có ý nghĩa lớn lao trong việc vạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước.

- Năm 1992, Việt Nam và Malaysia đã đưa ra giải pháp tạm thời “hợp tác khai thác chung” (joint development), tạm bảo lưu vấn đề phân định ranh giới EEZ chồng lấn giữa hai nước. Thỏa thuận này được thực thi khi cả hai nước tuyệt đối tuân thủ các quy định của Công ước Luật biển năm 1982 trong việc xác định EEZ và thềm lục địa.

Như vậy, sự hiện diện của các đảo, cụm đảo nói trên đã mang lại lợi ích đặc biệt to lớn và vô giá cho Việt Nam trong việc phân định ranh giới biển và vùng chồng lấn với các nước láng giềng trên Biển Đông.

3.3. Vị trí địa - chiến lược

Hệ thống các đảo, quần đảo Việt Nam trên Biển Đông có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, đặc biệt các đảo, cụm đảo thuộc tuyến đảo tiền tiêu-biên giới. Với vị trí trung tâm Biển Đông, tuyến biển đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam là khu vực có nhiều tuyến đường hàng hải quốc tế đi qua. Từ các đảo, cụm đảo này, chúng ta có thể đặt các trạm radar kiểm soát hoạt động ra vào, đi lại của tàu thuyền qua lại

¹ Lưu Văn Lợi (2007). Những điều cần biết về đất, biển, trời Việt Nam. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

cũng như xây dựng các trạm trung chuyển, dừng chân cho các tàu bè lưu thông trên Biển Đông.

Ngoài ra, hệ thống các đảo, cụm đảo của Việt Nam còn có ý nghĩa to lớn trong vấn đề bố trí mạng lưới phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát vùng biển, vùng trời trên biển của quốc gia. Với đường bờ biển dài trên 3.260 km, Việt Nam có lãnh thổ hẹp và trải dài từ Bắc chí Nam, diện tích biển lớn gấp nhiều lần diện tích đất liền. Do vậy, các đảo, quần đảo Việt Nam được ví như mặt tiền, cửa ngõ của quốc gia từ Biển Đông hướng vào đất liền, tạo thành chiến lũy với nhiều tầng, nhiều lớp, chúng được phân bố, sắp xếp thành các tuyến biển đảo phòng thủ liên hoàn, vững chắc, bảo vệ quốc gia từ phía biển. Đây là những căn cứ tiền tiêu bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Những đảo lớn trong hệ thống này gồm các đảo trên quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa, đảo Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc và Thổ Chu...

Đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nơi đang là điểm nóng của sự căng thẳng và bất ổn định trong khu vực, là mối quan ngại không chỉ đối với các quốc gia trên vùng Biển Đông mà còn cả cộng đồng quốc tế. Có thể thấy, các hành động của Trung Quốc đối với vùng Biển Đông trong thời gian qua càng làm cho tình hình Biển Đông thêm căng thẳng và phức tạp như: vạch đường lưỡi bò; xây dựng cái gọi là thành phố Tam Sa; gọi thầu những lô thăm dò ngay trên vùng thuộc chủ quyền của Việt Nam; ngang nhiên cắt cáp, rượt bắt tàu thuyền của ngư dân ta đang đánh bắt trên vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia, cấm đánh cá có thời hạn trên vùng Biển Đông... đã minh chứng cho những hành động ngang ngược, thèm khát không gian sinh tồn, muốn độc chiếm cả vùng Biển Đông bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế và vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế. Bởi nơi đây, đặc biệt là quần đảo Trường Sa của Việt Nam được các nhà nghiên cứu cho là nơi có địa

thế trọng yếu nhất, đóng vai trò như một trạm kiểm soát toàn bộ Biển Đông.

Lịch sử cho thấy, Trung Quốc chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, lập huyện Tam Sa trực thuộc tỉnh Hải Nam, đơn phương đưa ra bản đồ hình lưỡi bò chiếm hết 80% vùng Biển Đông của Việt Nam, lập vùng nhận diện phòng không chiếm một vùng trời trên biển Hoa Đông từ Đài Loan lên tận Hàn Quốc ở phía Bắc và Nhật Bản ở phía Đông, và gần đây nhất là lệnh cấm đánh cá có thời hạn trên Biển Đông mà cụ thể là nhắm vào ngư dân Việt Nam...

Nếu khu vực đường lưỡi bò này được hợp thức hóa bằng những hành động ngày càng leo thang của Trung Quốc và sự phản đối thiếu kiên quyết của các nước trong khu vực trên Biển Đông và cộng đồng quốc tế, thì tương lai không xa, Trung Quốc sẽ khống chế cả vùng Biển Đông, nơi hàng năm thu hút một lượng lớn tàu quân sự lẫn dân sự qua lại tấp nập, chỉ riêng số lượng tàu vận chuyển dầu khí qua vùng biển này nhiều gấp 7 lần qua kênh đào Suez và 17 lần qua kênh đào Panama. Nếu hành động này được các nước nhân nhượng thì đến một ngày nào đó, Trung Quốc cũng sẽ không ngần ngại thiết lập vùng nhận diện phòng không trên khu vực đường lưỡi bò này. Xa hơn nữa rất có thể là cuộc tấn công thần tốc chiếm các đảo, rồi sau đó Trung Quốc sẽ tuyên bố bảo đảm tự do lưu thông hàng hải quốc tế qua vùng Biển Đông. Trung Quốc sẽ sử dụng sức mạnh kinh tế đối với nước mất đảo, lấy làm tiếc về hành động quân sự của chính quyền địa phương và thuyết phục các nước mạnh trên thế giới gây sức ép, buộc nước mất đảo phải nhân nhượng và đi đến thương lượng với họ vì lợi ích của cộng đồng quốc tế là hòa bình và ổn định trong khu vực.

Từ thời Chúa Nguyễn Hoàng, Biển Đông đã được cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm dạy rằng *"Biển Đông vạn dặm đang tay giữ; Đất Việt muôn năm vững trị bình"*. Hai câu thơ đã nói lên tầm quan

trọng địa chiến lược của hệ thống biển đảo trên Biển Đông trong công cuộc giữ yên bờ cõi thanh bình và thịnh trị của đất nước. Ngày nay, nhiều nhà chiến lược phương Tây cũng nhận định rằng sở hữu được hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì sẽ không chế được cả Biển Đông. Quả đây là một nhận định vô cùng xác đáng cho vị trí địa chiến lược trọng yếu của tuyến đảo, cụm đảo này.

3.4. Vị trí địa-kinh tế

Thực tế cho thấy, khu vực vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam là nơi tập trung nhiều tuyến đường hàng hải quốc tế qua lại trên Biển Đông. Hơn 90% lượng hàng hóa giao thương trên thế giới được sử dụng bằng đường biển, trong đó lượng hàng hóa được vận chuyển qua vùng Biển Đông chiếm tới 45%. Có thể thấy, vị trí của khu vực vùng biển đảo Trường Sa trên Biển Đông có ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với các quốc gia biển trong thương mại quốc tế như: Nhật Bản với 42% lượng hàng hóa xuất khẩu và 70% lượng dầu khí nhập khẩu được vận chuyển qua Biển Đông⁽²⁾. Trung Quốc với 60% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và 70% lượng dầu khí nhập khẩu được vận chuyển qua vùng biển này. Trong khi đó, lượng hàng hóa xuất khẩu của Úc khoảng 22%, các nước Đông Nam Á chiếm khoảng 55%, và các nước công nghiệp mới khoảng 26%⁽³⁾.

Thật vậy, khu vực vùng biển đảo Trường Sa trên Biển Đông là một trong hai địa điểm trọng yếu, đóng vai trò quyết định tới giá thành sản phẩm hàng hóa giao thương trên biển của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước Châu Á. Với đà tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực, việc thiết lập mạng lưới dịch vụ hậu cần, các trạm trung chuyển tại các tuyến đảo tiền

tiêu và tiền tiêu biên giới là rất cần thiết. Theo tờ Đại Công báo (Hong Kong)⁽⁴⁾, Tập đoàn Từ Công (XCMG) và Tập đoàn Tam Nhất (Sany) của Trung Quốc đã lập kế hoạch xây dựng kênh đào Kra. Nếu dự án kênh đào Kra (Hình 5) ở Thái Lan được thông qua, vùng biển đảo phía nam Việt Nam và quần đảo Trường Sa sẽ trở thành khu vực vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển thương mại và cơ hội mở rộng giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Phần lớn các đảo, cụm đảo của nước ta có diện tích rất nhỏ, do vậy, giá trị kinh tế đem lại đáng kể nhất chính là nguồn tài nguyên thiên nhiên từ vùng biển bao quanh chúng. Một trong những nguồn tài nguyên trọng yếu đem lại nguồn thu lớn cho Việt Nam là tài nguyên phi sinh vật, đặc biệt là dầu mỏ khí đốt và các loại khoáng sản. Trữ lượng dầu khí được đánh giá mới đây của Mỹ tại vùng biển và thềm lục địa Việt Nam vào khoảng 15 tỷ thùng dầu. Theo các chuyên gia Trung Quốc, khu vực này chứa khoảng 225 tỷ thùng dầu mỏ và khí đốt⁽⁵⁾. Vùng biển đảo Việt Nam nằm gần các bồn trũng có triển vọng dầu khí lớn như bồn trũng Sông Hồng, Phú Khánh, Cửu Long, Nam Côn Sơn, Thổ Chu - Malay, Tư Chính - Vũng Mây và nhóm bồn trũng Trường Sa và Hoàng Sa sẽ góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế hải đảo phát triển. Gần đây, các nhà nghiên cứu đã tuyên bố khu vực vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam còn chứa đựng tài nguyên khí đốt hydrate (băng cháy) với trữ lượng lớn. Ước tính trữ lượng loại tài nguyên này trên thế giới ngang bằng với trữ lượng dầu khí và đang được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai gần.

² Scott Snyder, Brad Glosserman and Ralph A. Cossa (2001). Confidence Building Measures in the SCS. No.2, Issue and Insights, page 10.

³ Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, thực hiện, dự thảo tháng 5/2005

⁴ Duc Nam/ Hong Kong <http://www.vietnamplus.vn/trung-quoc-sap-xay-kenh-dao-nhan-tao-lon-nhat-chau-a/250568.vnp>

⁵ Bruce and Jean Blanche (1995). Oil and Regional Stability in the South China Sea. Jane's Intelligence Review. Page 511-514.

Bên cạnh nguồn tài nguyên dầu khí và khoáng sản khác, hệ thống các đảo, cụm đảo Việt Nam trên Biển Đông còn là nơi quy tụ nguồn tài nguyên sinh vật biển phong phú, đa dạng với các hệ sinh thái biển quan trọng như san hô, cỏ biển, động vật, hải sản quý hiếm, nguồn hải sản có trữ lượng lớn như cá, tôm, mực góp phần thúc đẩy phát triển nghề cá, đánh bắt nuôi trồng hải sản và là khu vực lý tưởng phục vụ nghiên cứu khoa học, bảo tồn đa dạng sinh học.

Ngoài ra, hệ thống các đảo, cụm đảo Việt Nam với các cảnh quan thiên nhiên đa dạng, độc đáo có nhiều điều kiện để phát triển du lịch sinh thái biển. Một số nhóm đảo, cụm đảo quan trọng như Vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới về cảnh quan và địa chất - địa mạo; Vịnh Bái Tử Long, quần đảo Cát Bà – khu dự trữ sinh quyển được UNESCO công nhận do tính đa dạng sinh học cao; Cô Tô, Vĩnh Thực, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Hòn Tre, Hòn Yến, Côn Đảo, Hòn Khoai, Thổ Chu, Nam Du và Phú Quốc...



Hình 5. Dự án kênh đào Kra

Nguồn: community.middlebury.edu/~scs/docs/Kra%20Canal.htm

4. Vấn đề phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng

4.1. Vấn đề phát triển kinh tế biển

Vươn ra biển, làm giàu từ biển là một định hướng đúng đắn và phù hợp trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội hiện nay của Việt Nam. Tuy nhiên, việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển đảo của chúng ta hiện nay vẫn còn bị bó hẹp trong phạm vi “ao nhà” và giá trị kinh tế đem lại chưa cao bởi do mức độ khai thác tài nguyên biển hiện nay chỉ dừng ở dạng thô hay tươi sống.

Thiết nghĩ, thực hiện thành công chiến lược biển, sớm đưa Việt Nam trở thành một quốc gia giàu vì biển, mạnh lên từ biển, chúng ta cần chú ý đến các vấn đề sau:

Phát triển hoạt động dịch vụ quốc tế biển

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần đẩy mạnh nền kinh tế biển của đất nước là đa dạng hóa các loại hình hoạt động kinh tế biển. Các ngành kinh tế có liên quan đến khai thác biển có thể kể như: cảng biển, vận tải biển, đóng tàu và sửa chữa tàu biển, dịch vụ hàng hải, dầu khí,

thủy hải sản, môi trường, đô thị biển, du lịch biển... Tuy nhiên, đa dạng hóa không có nghĩa là phát triển một cách ồ ạt, thiếu khoa học. Hiện nay, một số ngành kinh tế biển của nước ta phát triển không đồng bộ, thiếu tầm nhìn, chưa phát huy được hiệu quả, gây lãng phí... Chung quy cũng bởi sự bất cập trong cách tiếp cận phát triển kinh tế biển của nước ta. Chúng ta phát triển kinh tế biển với tư duy đất liền và thiếu tầm nhìn toàn cầu và hội nhập quốc tế thì không thể phát huy hết giá trị và sức mạnh của một nền kinh tế biển hiện đại. Trong khi cả thế giới đang đồng loạt tiến ra biển, vận dụng tất cả các loại hình, các cấp độ, với những công cụ và phương tiện hiện đại thì ở Việt Nam, chúng ta cũng chỉ quanh quẩn trong vùng biển ven bờ với những công cụ, phương tiện khai thác và đánh bắt lỗi thời.

Một trong những loại hình kinh tế biển đem lại giá trị cao cho các quốc gia mạnh về biển trên thế giới là hoạt động dịch vụ quốc tế. Thiết nghĩ, Việt Nam khó có thể đạt được nền kinh tế biển mạnh và bền vững với tính cạnh tranh cao nếu không quan tâm đến hoạt động này. Thực tế cho thấy, giá trị thu được từ các hoạt động dịch vụ tại vùng biển quốc tế, các hoạt động viễn dương, khai thác đại dương... của các quốc gia có nền kinh tế biển phát triển chiếm thị phần rất cao trong nền kinh tế. Hoạt động dịch vụ này một mặt góp phần làm giảm mức độ khai thác nguồn tài nguyên không thể tái tạo trong vùng biển quốc gia, mặt khác, vừa bảo đảm được an ninh năng lượng, góp phần phát triển kinh tế biển bền vững.

Để làm được điều này, chúng ta cần có lộ trình nhằm thu hút sự quan tâm đầu tư của các tập đoàn đại dương lớn trên thế giới, tạo môi trường pháp lý ổn định trên vùng biển quốc gia; tiến hành xây dựng và hoàn thiện quy hoạch không gian biển gắn liền với các hoạt động kinh tế hải đảo; tạo hành lang hội nhập kinh tế quốc tế trên tinh thần của Công ước Luật biển 1982.

Mở rộng phạm vi và phương thức hợp tác kinh tế biển

Việc mở rộng phạm vi hoạt động kinh tế biển tại các vùng biển đảo đang tranh chấp và tiến xa ra biển lớn đang là mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia có liên quan trên Biển Đông. Trong hình hình tranh chấp lãnh hải diễn ra gay gắt trên Biển Đông như hiện nay, thiết nghĩ, việc thương thảo, thỏa thuận cùng hợp tác khai thác được coi là kim chỉ nam nhằm tạo ra một khu vực tăng trưởng kinh tế năng động trong môi trường chính trị ổn định, tạo cơ hội cho tất cả các nước trong khu vực nói riêng và trên thế giới nói chung cùng phát triển kinh tế.

Thực tế cho thấy, với áp lực về nguồn năng lượng trong khu vực và trên thế giới ngày càng cao, những nỗ lực nhằm giải quyết tranh chấp, tạm gác xung đột chủ quyền biển đảo thông qua các cuộc đàm phán, thỏa thuận hợp tác khai thác phần nào làm xoa dịu tình hình căng thẳng trên Biển Đông. Trong thời gian qua, Việt Nam đã thực hiện thành công các hiệp định về hợp tác khai thác chung như vùng khai thác dầu mỏ và phát triển khí hydrocacbon dưới đáy biển với Malaysia vào năm 1992; vùng hoạt động đánh cá chung trong điều ước về biên giới trên biển với Trung Quốc vào năm 2000; việc ký kết Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) vào năm 2002 và kể đến là Hiệp ước thăm dò địa chấn hải dương chung (JMSU) được ký kết với Trung Quốc và Philipines, có thể thấy, đây là những bước tiến tích cực nhằm hướng tới sự phát triển chung mặc dù DOC không được thực thi một cách thực sự và hiệp ước JMSU đã bị hủy vào năm 2008.

Bên cạnh việc tăng cường hợp tác cùng khai thác trên vùng biển đảo tranh chấp, chúng ta cần mở rộng phạm vi và phương thức hợp tác trong nhiều lĩnh vực có liên quan. Chẳng hạn như vấn đề về năng lượng, do nhu cầu về năng lượng ngày càng tăng, các quốc gia trong khu vực có

thể cùng nhau hợp tác để theo đuổi, góp phần thúc đẩy sự phát triển các nguồn nhiên liệu thay thế. Các hình thức hợp tác có thể áp dụng như: giảm thuế cho các ngành kinh tế sử dụng năng lượng sạch; tạo điều kiện cho các công ty, tập đoàn năng lượng sạch tiếp cận với thị trường quốc tế, mở rộng thị trường...

Đối với hoạt động nghề cá, nhằm làm giảm tình hình sụt giảm trữ lượng cá tại Biển Đông, Việt Nam có thể hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới trong vấn đề bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững môi trường biển thông qua việc thiết lập các khu bảo tồn biển, bảo tồn các hệ sinh thái bãi san hô của các đảo thuộc vùng biển đảo tranh chấp; các chương trình quốc tế về nghề cá nhằm duy trì, bảo tồn sự phát triển bền vững các giống loài và sản lượng; các hợp tác phát triển và thăm dò sinh học biển - nhằm tạo ra những thực phẩm chức năng, bổ trợ cho các chế độ ăn uống hoặc các hóa chất dùng trong nông nghiệp (thuốc diệt cỏ, trừ sâu), hoặc mỹ phẩm có nguồn gốc từ biển hay phục vụ cho các ngành công nghiệp (chất xúc tác, các enzym) - tại các vùng biển đảo tranh chấp ...

Nhằm ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế biển, chúng ta có thể thực hiện các chương trình hợp tác với các nước trên giới trong việc trao đổi khoa học và công nghệ nhằm phát triển và thử nghiệm nguồn nhiên liệu sinh học vốn sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc từ thực phẩm (đường, ngô) hay các vật liệu hạ tầng cơ sở có khả năng chống chịu với những cơn bão mạnh, bảo vệ các công trình xây dựng ven biển...

Phát triển khoa học- công nghệ biển

Nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) biển là nền tảng nhằm đẩy mạnh tiến trình phát triển kinh tế biển, giữ vững an ninh quốc phòng, quản lý biển và đảm bảo toàn vẹn lãnh hải quốc gia. Do vậy, để góp phần thúc đẩy nền kinh tế

biển, an ninh quốc phòng trên biển, Việt Nam cần chú trọng đến phát triển khoa học và công nghệ biển, tăng cường mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học và công nghệ biển với các nước trên thế giới. Cụ thể là tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học- công nghệ biển với các nước trong khu vực và trên thế giới thuộc các lĩnh vực như:

- Nghiên cứu các quá trình đại dương khu vực và toàn cầu, nhằm giải quyết các vấn đề dự báo tài nguyên, môi trường biển, thiên tai biển trong vùng biển Việt Nam và kế cận.

- Đánh giá tác động và hệ quả sinh thái do hoạt động của con người đối với tài nguyên sinh vật, môi trường biển, các hệ sinh thái biển tiêu biểu. Từ đó đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, xây dựng các khu vực bảo tồn biển.

- Nghiên cứu các vấn đề kinh tế biển, luật pháp, dân cư xã hội ven biển. Xây dựng cơ sở khoa học, các giải pháp kỹ thuật cho việc xây dựng các khu kinh tế biển trọng điểm trên dải ven biển và hải đảo, quản lý tổng hợp đới ven bờ.

- Nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các công nghệ biển hiện đại phục vụ sự phát triển, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của các ngành kinh tế biển trọng yếu, bảo đảm an ninh quốc phòng, quản lý biển.

- Nghiên cứu, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ nhằm phục vụ cho công cuộc tiến ra biển lớn của quốc gia.

4.2. Vấn đề đảm bảo an ninh quốc phòng

Vùng biển đảo Việt Nam đóng vai trò cực kỳ quan trọng không chỉ đối với sự phát triển kinh tế mà còn đối với quốc phòng an ninh, toàn vẹn lãnh hải quốc gia. Biển đảo được xem là vùng cửa ngõ của quốc gia, đóng vai trò như một sân trước. Lịch sử cho thấy, từ thời Nam Hán, Nguyên Mông đến Pháp, Mỹ... tuyến đường biển

được xem là tuyến chủ đạo của các thế lực bên ngoài dùng để tấn công vào lãnh thổ Việt Nam. Với đường bờ biển dài hơn 3.260 km trải dài trên 13 độ vĩ và tiềm năng đầy hứa hẹn cho sự phát triển kinh tế biển trong tương lai, vùng biển đảo Việt Nam được xác định là vùng kinh tế quan trọng quyết định tới sự thành công của chiến lược biển đến 2020.

Trước tình hình Biển Đông phức tạp, chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn, nhiều thế lực thù địch đã và đang tiến hành các hoạt động chống phá, ngăn chặn, xâm lấn vùng biển đảo nước ta với nhiều thủ đoạn khác nhau, từ các hoạt động xâm phạm vùng biển đảo nước ta để thăm dò dầu khí đến việc đánh bắt hải sản, tấn công ngư dân đang đánh bắt trên vùng biển đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam... Hơn bao giờ hết, vấn đề đảm bảo an ninh quốc phòng, toàn vẹn lãnh hải quốc gia cần được tăng cường và có những quyết sách nhằm giữ yên bờ cõi trên tinh thần hòa bình và hữu nghị. Để đảm bảo tình hình an ninh trên vùng biển đảo, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh hải quốc gia, chúng ta cần tăng cường các hoạt động sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của biển đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng, chủ quyền toàn vẹn lãnh hải quốc gia. Bên cạnh việc biên soạn tài liệu đưa vào nội dung giảng dạy quốc phòng, an ninh, tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, nói chuyện thời sự, lễ hội... Chúng ta cần đưa nội dung này vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học nhằm giáo dục học sinh, sinh viên tinh thần yêu nước và gìn giữ mảnh đất thiên liêng của tổ quốc mà tổ tiên ta đã dày công xây dựng và gìn giữ cho đến ngày nay.

- Tăng cường công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, nước và thông tin liên lạc trên các đảo đang có dân sinh sống. Việc làm này không chỉ góp

phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch đời sống giữa dân cư trên đảo với đất liền mà còn giúp người dân xứ đảo an tâm sinh sống, bám biển, bảo vệ vùng biển đảo quê hương.

- Kết hợp phát triển kinh tế gắn với an ninh quốc phòng, an ninh trên biển là nhu cầu cấp bách trong giai đoạn chiến lược hiện nay. Do vậy, cần tăng cường xây dựng các doanh nghiệp kinh tế gắn với công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo trên nhiều lĩnh vực trong phạm vi cả nước như dịch vụ cảng biển, xây dựng công trình biển đảo, dịch vụ bảo vệ dầu khí, đánh bắt và sản xuất hải sản...

- Đẩy mạnh các hoạt động khai thác thủy hải sản xa bờ, chú trọng công tác hoàn thiện, mở rộng các hạ tầng cơ sở và dịch vụ hậu cần nghề cá cũng như chính sách hỗ trợ kịp thời nhằm giúp ngư dân có thể bám biển dài ngày. Điều này không những thúc đẩy nền kinh tế biển phát triển vươn ra biển lớn, mặt khác góp phần bảo vệ an ninh, khẳng định chủ quyền quốc gia trên biển.

- Tăng cường, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển các loại hình kinh tế du lịch biển đảo nhằm nâng cao thu nhập người dân, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ và quan trọng hơn hết là đảm bảo an ninh, khẳng định chủ quyền trên vùng biển đảo quốc gia.

5. Kết luận

Hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng quốc gia. Các tranh chấp về quyền tài phán trên Biển Đông xuất phát từ các tranh chấp chủ quyền với các đảo, cụm đảo trên Biển Đông, Cụ thể là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cùng với sự bất đồng quan điểm về cách thức giải quyết các tranh chấp để đi đến sự đồng thuận chung. Nhằm đảm bảo việc thực hiện chiến lược biển thành công, sớm đưa Việt Nam trở thành một quốc gia

giàu vì biển, mạnh lên từ biển, chúng ta cần phải hạn chế tối đa các xung đột vũ lực với các quốc gia có liên quan trên Biển Đông và hướng tới các hoạt động hợp tác nhằm củng cố niềm tin và đảm bảo sự phát triển kinh tế biển bền vững, duy trì

sự hòa bình, hữu nghị và hợp tác trong khu vực đồng thời có những giải pháp, chính sách mềm dẻo, kiên quyết nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng, toàn vẹn lãnh hải trên vùng Biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Islands and archipelagos of Vietnam in the East sea in the process of economic - social development and national security defense

- Le Thi Kim Thoa
- Ngo Hoang Dai Long
- Nguyen Thi Thu Thuy

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Islands and archipelagos of Vietnam in the East Sea play an important role in the process of economic development and national security defense. With over 3,000 sea islands located in waters of Vietnam, they are classified into three groups based on the distance between the mainland and Vietnamese waters. As we have seen, under International Law, ownership of small islands without inhabitants or in unlivable condition is not because of natural resources over these islands but rather a large extent of the Exclusive Economic Zone (EEZ) surrounding them. Because of this reason, ownership of

these islands is a great concern for many countries around the East Sea in particular and others in the world in general. This article presents an overview of islands and archipelagos of Vietnam in the East Sea, identifies the important role of these sea island groups in terms of geo-economic and geo-political aspects as well as shares some personal suggestions on possible solutions to sustainable cooperation in economic development and national security defense given the context of territorial sovereignty disputes over islands and archipelagos in the East Sea.

Key words: Islands and Archipelagos, Exclusive Economic Zone (EEZ), marine economy, security and defense.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020 (2005), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự thảo tháng 5/2005.
- [2]. Bruce and Jean Blanche (1995), Oil and Regional Stability in the South China Sea, Jane's Intelligence Review, Page 511-514.
- [3]. Công Ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 – The United Nations Convention on the Law of the Sea 1982 (UNCLOS 82).
- [4]. Lê Đức An (2008), Hệ thống các đảo ven bờ Việt Nam Tài nguyên và Phát triển. nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
- [5]. Luật biển Việt Nam (2012), Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3, ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- [6]. Lưu Văn Lợi (2007), Những điều cần biết về đất, biển, trời Việt Nam. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Hồng Thao (2012), Vietnam's Position on the Sovereignty over the Paracels & the Spratlys: Its Maritime Claims. Journal of East Asia International Law, V JEAIL (1) 2012
- [8]. Nguyễn Thế Tiệp, Nguyễn Biểu, Lê Đình Nam, Trần Xuân Lợi (2008), Địa chất và địa vật lý vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- [9]. Rommel C. Banlaoi (2010), Những căng thẳng mới và thể tiến thoái lưỡng nan về an ninh biển tiếp tục tại khu vực biển Đông: Quan điểm của Philippines/ Biển Đông – Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực (Đặng Đình Quý cb.). Hà Nội; Nxb. Thế giới, 2010, tr.183.
- [10]. Scott Snyder, Brad Glosserman and Ralph A. Cossa (2001), Confidence Building Measures in the SCS. No.2, Issue and Insights, page 10.
- [11]. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa của Việt Nam (1977), Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1977.
- [12]. Tuyên bố của chính phủ Việt Nam về đường cơ sở (1982), Statement of 12 November 1982 by the Government of the Socialist Republic of Vietnam on the Territorial Sea Baseline of Vietnam.
- [13]. UNESCO (2009), Step-by-Step Approach for Marine Spatial Planning toward Ecosystem-based Management, 98 pages.